

TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HSST

Ngày: 09/11/2018.

N DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN
Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

Các Hội thẩm N dân: 1. Bà **LÊ NGỌC TRÂM.**

2. Ông **ĐỖ T NGỌC.**

Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN** – Thư ký Tòa án N dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông **TRẦN T DANH** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2018/TLST - HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST – HS ngày 26/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LVN**, sinh năm 1973; tại LA; nơi đăng ký N khẩu thường trú: ấp PL, xã PC, huyện TB, tỉnh TN; trú tại: ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVC (đã chết) và bà HTB; bị cáo có vợ là HTKC và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; N thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/5/2018 và chuyển tạm giam từ ngày 02/6/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị **LTTH**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).
2. Ông **HNS**, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).
3. Ông **NVN**, sinh năm 1956. Địa chỉ: 4/6, LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).
4. Anh **LVD**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).
5. Anh **LVP**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).
6. Anh **LTP**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp BK, xã LTN, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **HLH**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp LT, xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).
2. Ông **VĐT**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp AH, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo LVN nảy sinh ý định trộm cắp trâu của người khác. Để thực hiện hành vi của mình, bị cáo chuẩn bị đèn pin, giả vờ đi soi cá để lợi dụng lúc đêm tối tìm kiếm những con trâu không có người trông giữ để thực hiện hành vi phạm tội. Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2017 đến ngày 20/5/2018, bị cáo đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện HT, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 20 giờ của một ngày trong tháng 07/2017 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo LVN mang theo đèn pin giả vờ đi soi cá để tìm trâu không có người trông giữ để lấy trộm thì phát hiện 02 con trâu màu đen (01 trâu đực nặng khoảng 300 kg và 01 trâu cái nặng khoảng 300 kg) của chị LTTH đang cột ngoài đồng ruộng thuộc ấp LT, xã LTT, huyện HT không có người trông giữ. Bị cáo đến mở dây và dẫn 02 con trâu đến khu vực nghĩa

địa thuộc ấp LT gần đó để giấu. Sau đó, bị cáo điện thoại cho anh HLH nói là trâu bị cáo đang nuôi, vì kẹt tiền nên bán, do bán ở huyện HT giá thấp và bị cáo không biết chỗ thuê xe nên nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý. Sau khi chở trâu về xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA, anh H bán trâu dùm bị cáo được số tiền 22.000.000 đồng, bị cáo đưa cho H 800.000 đồng để trả tiền thuê xe chở trâu, số tiền còn lại bị cáo trả nợ và tiêu xài. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận có thuê xe chở trâu dùm bị cáo về LA, không thừa nhận có bán trâu dùm bị cáo lần này.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 19 giờ ngày 20/9/2017, bị cáo LVN mang theo đèn pin giả vờ đi soi, tìm trâu để bắt trộm thì phát hiện 02 con trâu (01 trâu đực nặng khoảng 100 kg và 01 trâu cái nặng khoảng 190 kg) của ông NVN đang cột ngoài đồng ruộng thuộc ấp LT, xã LTT không có người trông giữ. Bị cáo đến mở dây và dẫn 02 con trâu đến khu vực gần lò gạch Cotaco (cách nơi trộm trâu khoảng 1,5 km) để giấu. Sau đó, bị cáo điện thoại cho anh H nói là trâu bị cáo đang nuôi, vì kẹt tiền nên bán, do bán ở huyện HT giá thấp và bị cáo không biết chỗ thuê xe nên nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý. Anh H thuê xe ô tô tải biển số 62C – 030.77 của anh LMT và đưa số điện thoại của bị cáo cho anh T tự liên lạc, anh T thuê anh NVN là tài xế đi chở trâu. Khi anh N điều khiển xe ô tô tải biển số 62C – 030.77 đến khu vực Chùa Gò Kén của huyện HT thì điện thoại cho bị cáo để hỏi địa điểm chở trâu, bị cáo chỉ đường cho anh N. Khi đến địa điểm chở trâu, bị cáo dẫn 02 con trâu lên xe và dặn anh N chở trâu về xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA giao cho anh H. Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 21/9/2017, anh H bán hai con trâu này cho anh NCB và anh NVH được số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo đưa cho anh H 800.000 đồng để trả tiền thuê xe, số tiền còn lại bị cáo trả nợ và tiêu xài.

3. Vụ thứ ba:

Khoảng 20 giờ ngày 19/3/2018, bị cáo mang theo đèn pin giả vờ đi soi cá để tìm trâu để bắt trộm, khi đi đến khu vực cách đồng Gò Tranh thuộc ấp LT, xã LTT thì phát hiện 02 con trâu màu đen (01 con trâu đực nặng khoảng 300 kg và 01 con trâu đực nặng khoảng 350 kg) của anh LVD đang cột tại chòi ruộng không có người trông giữ. Bị cáo lại mở dây dẫn 02 con trâu đến khu vực nghĩa địa thuộc ấp LT, xã LTT cột vào bụi cây để giấu. Đến khoảng 06 giờ ngày 20/3/2018, bị cáo điện thoại cho anh H nói là trâu bị cáo đang nuôi, vì kẹt tiền nên bán, và nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý. Anh H thuê xe ô tô tải biển số 62C – 030.77 của anh LMT và đưa số điện thoại của bị cáo cho anh T liên lạc hỏi địa điểm chở trâu. Anh T kêu con ruột là anh LTL là tài xế điều khiển xe lên huyện HT chở trâu. Khi anh Lợi điều khiển xe lên đến huyện HT thì

điện thoại cho bị cáo để hỏi địa điểm chở trâu, khi anh Lợi chạy xe đến địa điểm chở trâu thì bị cáo dẫn 02 con trâu lên xe và dặn anh Lợi chở trâu về xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA giao cho anh H. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/3/2018, anh H bán 02 con trâu cho anh NCB và anh NVH với giá 24.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo đưa cho anh H 800.000 đồng để trả tiền thuê xe, số tiền còn lại bị cáo trả nợ và tiêu xài.

4. Vụ thứ tư:

Khoảng 20 giờ một ngày đầu tháng 05/2018 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo mang theo đèn pin giả vờ đi soi để tìm trâu trộm cắp, khi đến khu vực phía sau nhà của anh Trần Văn Phước thì bị cáo phát hiện 02 con trâu màu đen (01 con trâu đực nặng khoảng 200 kg và 01 con trâu cái nặng khoảng 100 kg) đang cột không có người trông giữ. Bị cáo đến mở dây dẫn 01 con trâu đực đến khu vực nghĩa địa ấp LT, xã LTT để giấu, bị cáo điện thoại cho anh H nói là trâu bị cáo mua bên Campuchia đem về Việt Nam bán kiếm lời và nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý. Anh H thuê xe ô tô tải biển số 62C – 030.77 của anh LTD (xe này anh T đã bán lại cho anh D) và đưa số điện thoại của bị cáo cho anh D tự liên lạc hỏi địa điểm chở trâu. Khi anh D điều khiển xe đến địa bàn huyện HT thì điện thoại cho bị cáo để hỏi địa điểm chở trâu, bị cáo chỉ đường cho anh D chạy xe đến khu vực nghĩa địa thuộc ấp LT. Tại đây, bị cáo dẫn trâu lên xe và dặn anh D chở trâu về xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA giao cho anh H. Đến 10 giờ ngày hôm sau, anh H bán trâu cho ông VDT được số tiền 13.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo đưa cho anh H 800.000 đồng để trả tiền thuê xe, số tiền còn lại bị cáo trả nợ và tiêu xài. Ông T cho anh H 200.000 đồng.

5. Vụ thứ năm:

Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2018, bị cáo mang theo đèn pin giả vờ đi soi tìm kiếm trâu để bắt trộm, khi đi đến khu vực đồng ruộng Gò Duối thuộc ấp BK, xã LTN thì phát hiện 02 con trâu (01 con trâu đực nặng khoảng 150 kg và 01 con trâu cái nặng khoảng 80 kg) của anh LTP đang cột trước nhà không có người trông giữ, bị cáo lại tháo dây và dẫn 02 con trâu đến khu vực nghĩa địa thuộc ấp LT, xã LTT để giấu. Khoảng 06 giờ ngày 16/5/2018, bị cáo điện thoại cho anh H nói là trâu bị cáo mua bên Campuchia đem về Việt Nam bán kiếm lời và nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý. Anh H thuê xe ô tô tải biển số 62C – 030.77 của anh LTD và đưa số điện thoại bị cáo cho anh D để anh D tự liên lạc với bị cáo hỏi địa điểm chở trâu. Khi anh D điều khiển xe đến gần khu vực Chùa Gò Kén thuộc địa bàn huyện HT thì điện thoại cho bị cáo để hỏi địa điểm chở trâu. Khi đến địa điểm chở trâu ở khu vực nghĩa địa thuộc ấp LT, xã LTT thì bị cáo dẫn 02 con trâu lên xe và dặn anh D chở trâu về xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA giao cho

anh H. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh H kêu ông VĐT đến xem trâu và ông T đồng ý mua với giá 13.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo đưa cho anh H 2.000.000 đồng để trả tiền thuê xe chở trâu là 800.000 đồng và cho anh H tiền công bán trâu là 1.200.000 đồng. Ông T cho anh H số tiền 200.000 đồng.

6. Lần thứ sáu:

Khoảng 19 giờ ngày 20/5/2018, bị cáo N mang theo đèn pin đi ra khu vực ruộng Gò Kén thuộc ấp LT, xã LTT giả vờ đi soi để tìm kiếm trâu để bắt trộm, bị cáo phát hiện 02 con trâu đực (01 con trâu đực nặng 350 kg và 01 con trâu đực nặng 370 kg) của ông HNS (Son) đang cột ngoài chòi tranh ngoài ruộng không có người trông giữ, bị cáo đến mở dây và dẫn 02 con trâu đến đường kênh gần Chùa Gò Kén (cách nơi cột trâu khoảng 2km) để giấu. Sau đó, bị cáo điện thoại cho anh H nói là trâu bị cáo mua bên Campuchia đem về Việt Nam bán kiếm tiền lời và nhờ H thuê xe chở Trâu về tỉnh LA bán dùm thì anh H đồng ý và nói 08 giờ sáng ngày mai sẽ có xe lên chở. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 21/5/2018, bị cáo dẫn 02 con trâu đến khu vực xã Thanh Điền, huyện Châu T cột vào bụi cây để giấu. Anh H thuê xe của anh LTD và cho số điện thoại của bị cáo để anh D tự liên lạc. Do anh D bận công việc nên thuê anh LTL là tài xế điều khiển xe lên huyện HT để chở trâu. Đến khoảng 08 giờ ngày 21/5/2018, anh Lợi liên lạc với bị cáo để hỏi địa điểm chợ trâu. Tại địa điểm chở trâu, bị cáo dẫn 02 con trâu lên xe và dặn anh Lợi chở về xã LG huyện ĐH, tỉnh LA giao cho anh H. Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh Lợi chở trâu về giao cho H, H kêu lái trâu để bán nhưng họ trả giá thấp không bán và bị cáo nói nếu lái trâu trả giá 27.000.000 đồng thì đồng ý bán. Nghe vậy, anh H điện thoại cho ông VĐT đến xem trâu và ông T đồng ý mua với giá 30.000.000 đồng. Khi nhận tiền, anh H đưa cho bị cáo số tiền 27.000.000 đồng, bị cáo đưa lại cho H số tiền 3.500.000 đồng để trả tiền thuê xe là 800.000 đồng và cho anh H tiền công bán trâu là 2.700.000 đồng. Anh H được hưởng lợi tiền bán trâu chênh lệch là 3.000.000 đồng và được ông T cho 500.000 đồng.

Ngày 22/5/2018, công an mời bị cáo làm việc nhưng bị cáo không thừa nhận hành vi của mình. Đến ngày 25/5/2018, bị cáo ra đầu thú và khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG – TTHS ngày 25/5/2018, số 35/KLĐG – TTHS ngày 20/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HT, kết luận:

- 01 con trâu đực nặng 300 ký và 01 con trâu cái nặng 300 ký của bà LTTH trị giá 30.000.000 đồng;

- 01 con trâu cái nặng 190 ký và 01 con trâu đực nặng 100 ký của ông NVN trị giá 17.400.000 đồng.

- 01 con trâu đực nặng 300 ký và 01 con trâu đực nặng 350 ký của ông LVD trị giá 32.500.000 đồng;

- 01 con trâu đực nặng 200 ký của ông Trần Văn Phước trị giá 12.000.000 đồng;

- 01 con trâu cái nặng 150 ký và 01 con trâu đực nặng 80 ký của ông LTP trị giá 13.800.000 đồng;

- 01 con trâu đực nặng 350 ký và 01 con trâu đực nặng 370 ký của ông HNS trị giá 38.500.000 đồng.

Qua xác minh bị cáo N không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Đối với HLH, LTD, LMT, NVN, LTL, HVH, VĐT, NCB, NVH và NVK, không biết trâu do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số: 52/CT - VKSHT ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát N dân huyện HT đã truy tố bị cáo LVN về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát N dân huyện HT giữ quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo LVN về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm r, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo LVN mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy các tài sản không còn giá trị sử dụng:* 01 sim điện thoại Vinaphone, có số seri: 89840200010210416574.

- *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng dùng vào việc phạm tội:*

+ 01 xe mô tô không có biển số xe, màu đen hiệu Wave 110, không bửng, không kính chiếu hậu, không có đồng hồ km, số khung: RPDDCH2PD5A007058, số máy không xác định, không có mặt nạ, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model: RM – 1190, số imei 1: 357345085748810, số imei 2: 357345088047814 (đã qua sử dụng).

- Đối số tiền 7.800.000 đồng mà anh HLH tự nguyện nộp lại, trong đó có 5.700.000 đồng anh H nhận từ tiền mua trâu cho ông VĐT nên trả lại cho ông T số tiền 5.700.000 đồng; số tiền 1.200.000 đồng anh H nhận từ việc bán trâu của anh LTP nên trả lại cho anh Phúc số tiền 1.200.000 đồng. Riêng số tiền 900.000 đồng ông T cho anh H do anh H giới thiệu ông T mua trâu, ông T không đồng ý nhận lại nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị hại HNS đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị hại NVN không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại:

- Chị LTTH: 30.000.000 đồng;
- Anh LVD: 32.500.000 đồng;
- Anh Trần Văn Phước: 12.000.000 đồng;
- Anh LTP: 13.800.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố, đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của các bị hại. Trong lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình, làm công dân tốt. Bị hại NVN không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị hại khác đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá tài sản và đề nghị xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HT, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện HT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo LVN đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo LVN phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; các biên bản về việc kiểm tra và xác định hiện trường vụ án; các biên bản khám nghiệm hiện trường; các sơ đồ hiện trường; các bản ảnh kiểm tra, xác định hiện trường vụ án; các kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2017 đến ngày 20/5/2018, bị cáo LVN đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại tổng trị giá 144.200.000, cụ thể như sau:

- Chiếm đoạt tài sản của chị LTTH 01 con trâu đực nặng 300 kg và 01 con trâu cái nặng 300 kg trị giá 30.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt tài sản của ông Ngô Văn Nghiêm 01 con trâu cái nặng 190 kg và 01 con trâu đực nặng 100 kg trị giá 17.400.000 đồng.

- Chiếm đoạt tài sản của anh LVD 01 con trâu đực nặng 300 kg và 01 con trâu đực nặng 350 kg trị giá 32.500.000 đồng.

- Chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Phước 01 con trâu đực nặng 200 kg trị giá 12.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt tài sản của anh LTP 01 con trâu cái nặng 150 kg và 01 con trâu đực nặng 80 kg trị giá 13.800.000 đồng.

- Chiếm đoạt tài sản của ông HNS 01 con trâu đực nặng 350 kg và 01 con trâu đực nặng 370 kg trị giá 38.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Sơn đã đủ yếu tố cấu T tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Bị cáo LVN là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo không có nghề nghiệp nên để có tiền tiêu xài bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp trâu của người khác, bị cáo chuẩn bị sẵn đèn pin, giả vờ đi soi cá, lợi dụng đêm tối, lúc chủ sở hữu không quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục nhiều lần đối với nhiều người trong cùng 01 địa phương, trong khoảng thời gian ngắn, trong đó có 06 lần thực hiện hành vi phạm tội đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 144.200.000 đồng và sử dụng số tiền này để làm nguồn sống chính. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HT truy tố bị

cáo LVN về tội: “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang và bất B trong quần chúng N dân. Bị cáo 06 lần thực hiện hành vi phạm tội đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Cần có mức án thật nghiêm khắc đối với bị cáo mới các tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên, bị cáo có N thân tốt, không có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội T khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có ba ruột là liệt sĩ LVC được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng bằng Tổ quốc ghi công, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội là con của liệt sĩ” được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã đến cơ quan công an đầu thú, khai ra hành vi phạm tội vào ngày 19/5/2018 và tự nguyện khai ra các lần phạm tội trước đó khi chưa bị phát hiện đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội đầu thú” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, người bị hại NVN xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT đề nghị là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 sim điện thoại Vinaphone, có số seri: 89840200010210416574 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô không có biển số xe, màu đen hiệu Wave 110, không bửng, không kính chiếu hậu, không có đồng hồ km, số khung: RPDDCH2PD5A007058, số máy không xác định, không có mặt nạ, đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model: RM – 1190, số imei 1: 357345085748810, số imei 2: 357345088047814 (đã qua sử dụng), bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

- Đối số tiền 7.800.000 đồng mà anh HLH tự nguyện nộp lại, trong đó có 5.700.000 đồng anh H nhận từ tiền mua trâu cho ông VĐT nên trả lại cho ông T số tiền 5.700.000 đồng; Số tiền 1.200.000 đồng, anh H nhận từ việc bán trâu của anh LTP nên trả lại cho anh Phúc số tiền 1.200.000 đồng. Còn lại số tiền 900.000 đồng là tiền ông T cho anh H khi anh H giới thiệu cho ông mua trâu, ông T không đồng ý nhận lại nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị hại HNS đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ghi nhận bị hại NVN không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại LTTH, LVD, Trần Văn Phước, LTP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông VĐT bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho:

- Chị LTTH số tiền 30.000.000 đồng;
- Ông NVN số tiền 17.400.000 đồng;
- Ông LVD số tiền 32.500.000 đồng.
- Ông Trần Văn Phước số tiền 12.000.000 đồng.
- Ông LTP số tiền 13.800.000 đồng, anh Phúc nhận từ số tiền anh H tự nguyện nộp lại là 1.200.000 đồng nên buộc bị cáo bồi thường cho anh Phúc số tiền 12.600.000 đồng.
- Ông VĐT số tiền 30.000.000 đồng, ông T nhận từ số tiền anh H tự nguyện nộp lại là 5.700.000 đồng nên buộc bị cáo bồi thường cho ông T số tiền 24.300.000 đồng.

[8]. Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo LVN phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo LVN **05 (năm) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được T từ ngày 25/5/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- *Tịch thu tiêu hủy:* 01 sim điện thoại Vinaphone, có số seri: 89840200010210416574.

- *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

+ 01 xe mô tô không có biển số xe, màu đen hiệu Wave 110, không bửng, không kính chiếu hậu, không có đồng hồ km, số khung: RPDDCH2PD5A007058, số máy không xác định, không có mặt nạ, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model: RM – 1190, số imei 1: 357345085748810, số imei 2: 357345088047814 (đã qua sử dụng).

+ Số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng);

- Trả lại cho ông VĐT số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm ngàn đồng);

- Trả lại cho anh LTP số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm ngàn đồng);

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị hại HNS đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị hại NVN không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho:

- Chị LTTH số tiền 30.000.000 đồng;

- Ông LVD số tiền 32.500.000 đồng.

- Ông Trần Văn Phước số tiền 12.000.000 đồng.

- Ông LTP số tiền 12.600.000 đồng.

- Ông VĐT số tiền 24.300.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn pH thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo LVN pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.570.000 đồng (Năm triệu, năm trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- Sở Tư pháp tỉnh TN.
- Viện kiểm sát Hòa Thành.
- Thi hành án DS Hòa Thành.
- Bị cáo
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Kim Phụng